

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2017 tỉnh Bình Định

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Điều kiện địa lý tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý:

Bình Định là một tỉnh thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ, phía bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp Biển Đông với đường bờ biển thuộc đất liền dài 134km. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 605.057,77 ha.

- Cực Bắc: 14⁰42' 10" độ vĩ bắc, 108⁰55' 42" độ kinh đông.
- Cực Nam: 13⁰30' 10" độ vĩ bắc, 108⁰54' 00" độ kinh đông.
- Cực Đông: 13⁰36' 33" độ vĩ bắc, 109⁰22' 00" độ kinh đông.
- Cực Tây: 14⁰25' 00" độ vĩ bắc, 108⁰37' 30" độ kinh đông.

Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện thị thành phố bao gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và 09 huyện gồm có 3 huyện miền núi (An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh); 02 huyện trung du (Tây Sơn, Hoài Ân); 04 huyện vùng đồng bằng (Hoài Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước, Phù Mỹ) và 159 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn.

1.2. Địa hình:

Địa hình Bình Định nghiêng dần từ Tây sang Đông, có thể phân thành 4 dạng chính như sau:

- Vùng núi cao và trung bình: Vùng này nằm về phía Tây chiếm 70% diện tích của tỉnh (4.235,4 km²). Cao từ 500 đến 700m độ dốc trên 25⁰ kéo dài theo chiều Bắc Nam qua các huyện Hoài Ân, An Lão, Vĩnh Thạnh và Vân Canh. Vùng Hoài Ân, Vân Canh có dãy núi cao trên 1.000m. Địa hình vùng này phân cách mạnh, sông suối có độ dốc lớn, lớp phủ thực vật trung bình.
- Vùng gò đồi (trung du): Vùng này tiếp giáp giữa miền núi phía Tây và đồng bằng phía Đông chiếm 10% diện tích (605,1 km²). Độ cao dưới 100m, độ dốc từ (100÷150), lớp phủ thực vật kém.
- Vùng đồng bằng ven biển: Chiếm 15% diện tích khoảng (907,6 km²), nhỏ hẹp theo chiều hạ lưu các sông và bị chia cắt thành nhiều mảnh nhỏ. Độ cao biến đổi từ 2÷3m đến 20÷30m, xen giữa đồng bằng gò đồi. Đây là khu vực sản xuất

nông nghiệp chính của tỉnh. Địa hình nghiêng nên rất dễ bị rửa trôi và bạc màu.

- Vùng cồn cát ven biển: Đây là khu vực bao gồm các cồn cát, đụn cát tạo thành 1 dải hẹp chạy dọc ven biển. Khu vực này có khả năng trồng rừng phòng hộ ven biển kết hợp với trồng cây lâu năm chiếm 05% diện tích khoảng 302,5 km².

2.2. Điều kiện kinh tế, xã hội

Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không và đường biển khá thuận lợi. Quốc lộ 1A đoạn qua Bình Định dài 118 km, Quốc lộ 1D đoạn qua Bình Định dài 20,7 km, Quốc lộ 19 qua Bình Định dài 69,5 km, với tổng chiều dài 208 km; lưu lượng xe trung bình ngày đêm khoảng 2.500-2.700 xe. Quốc lộ 19 nối liền cảng biển quốc tế Quy Nhơn với các tỉnh thuộc khu vực vùng Bắc Tây Nguyên qua các cửa khẩu quốc tế Đức Cơ, Bờ Y và vùng 3 biên giới Việt Nam- Lào- Campuchia, là một trong những con đường có chất lượng tốt nhất trong hệ thống trục ngang ở khu vực miền Trung hiện nay, tạo điều kiện liên kết Đông - Tây, thúc đẩy giao lưu kinh tế, hợp tác phát triển với bên ngoài. Cảng hàng không Phù Cát cách trung tâm Thành phố Quy Nhơn khoảng 30 km về phía Tây Bắc, có đường băng rộng 45 mét dài 3.050 mét. Tần suất hoạt động tuyến Quy Nhơn - Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại có hơn 20 chuyến bay/mỗi tuần. Nhà ga hàng không có công suất 300 hành khách/giờ. Đường sắt Bắc - Nam đi qua Bình Định dài 148 km gồm 11 ga, trong đó ga Diêu Trì là đầu mối của tất cả các loại tàu trên tuyến đường sắt. Ngoài các chuyến tàu Bắc- Nam còn các chuyến tàu từ Quy Nhơn đi vào các tỉnh khu vực Nam Trung bộ đến TP Hồ Chí Minh và đi ra đến Hà Nội.

Bình Định có cảng biển quốc tế Quy Nhơn và cảng nội địa Thị Nại, trong đó cảng biển quốc tế Quy Nhơn có khả năng đón tàu tải trọng từ 2-3 vạn tấn, cách Phao số 0 khoảng 6 hải lý, cách hải phận quốc tế 150 hải lý. Hiện cảng có 6 bến với 840m cầu cảng, khoảng 17.680m² kho, 12.000m³ bồn và trên 200.000m² bãi.

Hiện nay, Bình Định đã và đang tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng theo quy hoạch 8 KCN (chưa tính các KCN trong KKT Nhơn Hội) với tổng diện tích quy hoạch là 1.761 ha, 37 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.519,37 ha, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội (12.000 ha, trong đó có 1.300 ha khu công nghiệp); tập trung xây dựng Thành phố Quy Nhơn (đô thị loại I thuộc tỉnh) trở thành trung tâm tăng trưởng phía Nam của vùng và đầu mối giao thông phục vụ trực tiếp cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên; xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng lớn để gắn kết với các khu vực lân cận theo trục Bắc - Nam và Đông Tây; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm mà tỉnh có lợi thế là công nghiệp chế biến lâm - nông - thủy sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, giày da, may mặc, cơ khí, cảng biển nước sâu, sản xuất lắp ráp đồ điện, điện tử, sản xuất điện, phát triển du lịch, dịch vụ hàng hải, thương

mại, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông,...

Các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, thông tin – tuyên truyền, báo chí, phát thanh - truyền hình tiếp tục được phát huy phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và từng bước xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao của một số môn có thế mạnh của tỉnh như võ thuật, điền kinh, bơi lội, bóng đá,... Hoạt động du lịch của Bình Định cũng hết sức sôi động. Số khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng tại Bình Định ngày càng tăng.

Hoạt động văn hoá thông tin đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống được chú trọng. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được tiếp tục phát triển, hầu hết địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh và truyền hình. Mạng Bưu chính tiếp tục đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân; tỷ lệ xã có báo trong ngày khoảng 96%.

Giáo dục - đào tạo - dạy nghề phát triển mạnh về cơ sở vật chất, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, các loại đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và phát triển nguồn nhân lực.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có nhiều tiến bộ đã tích cực triển khai tốt công tác y tế dự phòng, kịp thời triển khai các biện pháp khẩn cấp phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, không để xảy ra dịch bệnh lớn; công tác phòng chống dịch trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo và giám sát chặt chẽ. Thực hiện tốt việc khoanh vùng dịch, tuyên truyền vận động vệ sinh môi trường tại cộng đồng; chủ động điều tra, giám sát dịch tễ, nhất là các dịch bệnh mới và nguy hiểm.

Với các điều kiện địa lý kinh tế, hạ tầng kỹ thuật cùng các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế- xã hội, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, Bình Định có đủ điều kiện để phát triển kinh tế nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng trong tương lai.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường và các vấn đề môi trường

1.1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường

- Chất lượng môi trường không khí đô thị và khu dân cư trong năm 2017: nhìn chung chất lượng không khí có chất lượng đảm bảo khi hầu hết các chỉ tiêu vô cơ trong không khí đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05-2013/BTNMT. Tuy nhiên, tại một số khu vực được quan trắc còn xảy ra ô nhiễm

bụi và tiếng ồn chủ yếu do mật độ phương tiện giao thông qua lại cao, chất lượng các tuyến đường chưa đảm bảo và tại một số vị trí đang hoạt động xây dựng. Đối với khu vực nông thôn và miền núi chất lượng môi trường không khí đảm bảo theo tiêu chuẩn, chỉ có ô nhiễm cục bộ do hoạt động chăn nuôi và từ các bãi rác tạm tại các địa phương.

- Chất lượng môi trường nước mặt: nhìn chung chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh, một số chỉ tiêu hữu cơ vượt so với quy định.

- Chất lượng môi trường nước ngầm: kết quả có được cho thấy hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.

- Chất lượng môi trường đất: Hiện trạng môi trường đất được thực hiện thông qua việc lấy mẫu và phân tích các chỉ số kim loại nặng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong đất tại các khu vực gần bãi chôn lấp chất thải rắn, khu vực đất nông nghiệp và khu nghỉ dưỡng du lịch. Qua đó ta có thể thấy môi trường đất trên địa bàn tỉnh Bình Định tương đối ổn định, hầu hết các chỉ tiêu kim loại nặng đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 03:2015/BTNMT và QCVN 15:2008/BTNMT.

- Chất lượng môi trường nước biển ven bờ: Trong năm 2017, đã tiến hành lấy mẫu nước biển được phân bố đều dọc theo bờ biển trên địa bàn tỉnh. Qua kết quả mẫu được phân tích cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 10-2015/BTNMT, qua đó có thể thấy chất lượng môi trường nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh đã có những cải thiện so với những năm trước. Hàm lượng các chất hữu cơ đặc biệt là chỉ tiêu Amoni nằm trong giới hạn cho phép. Điều này đã tạo điều kiện cho các hoạt động du lịch và nuôi trồng thủy sản phát triển. Riêng mẫu tại điểm Cảng Quy Nhơn khi phân tích chỉ tiêu PO_4^{3-} vượt giới hạn cho phép, nguyên nhân có thể do cảng Quy Nhơn là nơi có mật độ tàu thuyền ra vào cảng nhiều, tập trung nhiều hàng hóa và đồng thời gần cảng cá Quy Nhơn là những yếu tố trên đã góp phần tác động tiêu cực đến môi trường nước biển tại cảng Quy Nhơn.

1.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường

a) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Trong năm 2017, không phát sinh cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm, các cơ sở gây ô nhiễm chủ yếu là các trang trại chăn nuôi. Đối với các cơ sở gây ô nhiễm, đã có 01 cơ sở được rút tên khỏi danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ngoài ra, có 01 cơ sở đã được xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, 01 cơ sở đã xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải và vận hành thử nghiệm đạt kết quả tốt. Những cơ sở này sẽ được chứng nhận, các cơ sở còn lại vẫn đang tiếp tục khắc phục ô nhiễm.

b) Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề; khu đô thị, khu dân cư tập trung

- Khu công nghiệp (KCN): Có 6 KCN đã đi vào hoạt động: Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa và 03 KCN nằm trong khu kinh tế Nhơn Hội. Các KCN đi vào hoạt động đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định. Trong đó, khu công nghiệp Phú Tài đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải.

- Cụm công nghiệp (CNN): trên địa bàn tỉnh có 42/63 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động. Có 07/42 CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các CCN còn lại tỉ lệ lắp đầy chưa đạt theo quy mô thiết kế và loại hình hoạt động phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt.

- Đối với làng nghề, chỉ có một vài làng nghề phát sinh nước thải sản xuất, gây ô nhiễm. Trong đó hiện nay một làng nghề đã thay đổi loại hình sản xuất, một làng nghề đang nghiên cứu, lựa chọn phương án xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.

c) Các nguồn thải lớn: hiện nay trên địa bàn tỉnh có 02 Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đang hoạt động (tổng công suất 16.350 m³/ngày đêm), tỷ lệ thu gom đạt khoảng 30%; Ngoài ra, còn khoảng 15 cơ sở sản xuất kinh doanh có lượng nước thải từ 100 m³/ngày trở lên. Trong đó có 08 cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

d) Dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện:

- Dự án khai thác khoáng sản:

+ Quy mô: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 142 doanh nghiệp được Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản với 156 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực. Loại hình khoáng sản được cấp phép là titan, đá granite ốp lát, đá làm vật liệu xây dựng thông thường, cát làm vật liệu xây dựng thông thường và đất san lấp. Tất cả các dự án khai thác khoáng sản đều đã lập hồ sơ môi trường (Báo cáo ĐTM, Kế hoạch Bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường) theo đúng quy định.

+ Tính chất và các tác động xấu đến môi trường: Trong quá trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ môi trường, cơ quan chuyên môn đã yêu cầu Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các nội dung để phòng ngừa và giảm thiểu các tác động môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản. Tuy nhiên, do khai thác khoáng sản với quy mô, sản lượng ngày càng lớn và chưa chú trọng công tác bảo vệ môi trường nên dễ dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng giao thông, đặc biệt là hiện tượng sa bồi, sạt lở trong quá trình khai thác khoáng sản đã gây bức xúc trong nhân dân ở một số địa phương.

- Dự án thủy điện: đến thời điểm hiện nay, đã có 06 dự án thủy điện được UBND tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM (dự án thủy điện Vĩnh Sơn 5, thủy điện Trà Xom, thủy điện Ken Lút Hạ, thủy điện Văn Phong, nhà máy thủy điện Định Bình, dự án thủy điện Nước Xáng), 01 dự án được UBND huyện Tây Sơn cấp

giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường (dự án thủy điện Tiên Thuận) và 01 dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo ĐTM (dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3), 01 dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án BVMT chi tiết (dự án thủy điện Vĩnh Sơn).

1.3. Tình hình phát sinh chất thải

a. Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ hoạt động hằng ngày của người dân (ăn uống, vệ sinh, giải trí...), từ các hoạt động kinh doanh hộ gia đình (buôn bán, dịch vụ, sản xuất nhỏ lẻ...); từ khu vực trường học, y tế, cơ quan, đoàn thể và các khu vực sản xuất. Theo kết quả điều tra, khối lượng CTRSH (chất thải rắn sinh hoạt) phát sinh tại khu vực đô thị trên toàn tỉnh khoảng 380 tấn/ngày, tại vùng nông thôn ước tính phát sinh khoảng 360 tấn/ngày.

b. Chất thải rắn y tế: Ước tính tổng lượng chất thải rắn (CTR) y tế không nguy hại phát sinh khoảng hơn 1.500 tấn/năm (được thu gom xử lý 100%), chất thải y tế nguy hại khoảng 218 tấn/năm (được thu gom xử lý khoảng 99,1%).

c. Chất thải rắn xây dựng, công nghiệp: phát sinh trên địa bàn tỉnh chủ yếu từ các Nhà máy chế biến gỗ, đá, giày da, dệt may, giấy,... do đó, các loại chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu như mùn cưa, bột đá, da hỏng, vải hỏng, keo dính qua sử dụng,...Khối lượng phát sinh CTR công nghiệp tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tương đối thấp và phần nhiều được thu gom, tái sử dụng (tỷ lệ đạt trên 80%, phần lớn tái sử dụng làm nhiên liệu đốt, tái chế củi viên nén, san lấp mặt bằng,...), phần còn lại (khoảng 20%) được thu gom về các BCL và xử lý chung với chất thải rắn sinh hoạt hoặc đổ thải bừa bãi (bột đá, xà bần,...).

d. Phế liệu nhập khẩu: năm 2017 trên địa bàn tỉnh không có đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu để làm nguyên liệu sản xuất.

e. Nước thải sinh hoạt đô thị: Ngoài 02 Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình và 2A thì trong năm 2017 không đầu tư Nhà máy mới

f. Phụ phẩm nông nghiệp, sản phẩm thải bỏ sau sử dụng: khối lượng tương đối thấp và chưa có thống kê cụ thể.

1.4. Các vấn đề môi trường chính

- Chất thải chăn nuôi.
- Ô nhiễm tại làng nghề: do nước thải phát sinh chủ yếu tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm; khí thải từ làng nghề đúc kim loại.
- Suy thoái do khai thác khoáng sản.
- Ô nhiễm thứ cấp tại các bãi chôn lấp chất thải tập trung và tạm thời.
- Rác thải sinh hoạt tại các hộ dân cư ở khu vực nông thôn và miền núi.
- Thiếu các bãi rác cho khu vực nông thôn.

- Chất lượng các nguồn nước ngày càng suy giảm.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nguồn lực bảo vệ môi trường

2.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

- Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý nhà nước về môi trường và thực hiện các dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Hiện tại, Chi cục Bảo vệ môi trường có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Tổng hợp, phòng Thẩm định và đánh giá tác động môi trường và phòng Kiểm soát ô nhiễm.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định có chức năng tham mưu và giúp Trưởng Ban Quản lý thực hiện công tác quản lý môi trường trong Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phòng Cảnh sát môi trường thuộc Công an tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn tỉnh.

2.1.2. Nguồn lực bảo vệ môi trường

a) Nguồn nhân lực

- Cấp tỉnh: Chi cục BVMT có 16 biên chế, với 03 Phòng chức năng: Phòng Tổng hợp, Phòng Kiểm soát ô nhiễm, Phòng Thẩm định và ĐTM. Hiện nay, 100% công chức, hợp đồng lao động có trình độ đại học, trên đại học; trong đó, có 01 tiến sĩ, 08 thạc sĩ. Đội ngũ công chức, hợp đồng lao động có phẩm chất đạo đức tốt; trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc phù hợp với vị trí công tác và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Cấp huyện: Phòng TNMT đã phân công một lãnh đạo Phòng phụ trách và từ 01-02 định biên (đối với huyện đồng bằng), 01 định biên (đối với huyện miền núi) thực hiện công tác môi trường.

- Cấp xã: hiện nay bố trí 01 cán bộ địa chính- xây dựng kiêm công tác quản lý môi trường.

b) Nguồn lực tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ chính trị, Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 12/06/2009 của Chính phủ, địa phương đã bố trí dự toán chi sự nghiệp môi trường theo hướng tăng dần qua các năm; Trong đó, tập trung chủ yếu chi cho các hoạt động thường xuyên như công tác đào tạo, tập huấn, truyền thông về môi trường, quan trắc hiện trạng môi trường, điều tra thống kê, xây dựng dữ liệu, báo cáo thông tin môi trường trên địa bàn tỉnh, kiểm soát các hoạt động bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu cụm công nghiệp, làng nghề, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường,...

- Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường được phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố sử dụng cho hoạt động thu gom, xử lý rác thải, trồng cây xanh, truyền thông nâng cao nhận thức về môi trường,... do nguồn kinh phí hạn chế nên các địa phương chưa chú trọng các hoạt động có tính chuyên sâu để giải quyết triệt để, có hiệu quả như đánh giá hiện trạng ô nhiễm, nghiên cứu ứng dụng xử lý ô nhiễm môi trường, hỗ trợ sản xuất sạch hơn,... chưa đáp ứng tỷ lệ 1% tổng chi ngân sách hàng năm.

c) Trang thiết bị bảo vệ môi trường

- Để hạn chế các vấn đề ô nhiễm môi trường nước sau lũ lụt, trong thời gian qua, các địa phương bị ảnh hưởng được hỗ trợ trang thiết bị, trang phục bảo hộ lao động, hóa chất xử lý môi trường và hướng dẫn cách vệ sinh môi trường sau bão, đặc biệt ở các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao như: bãi rác tạm, khu vực bị ngập úng dễ địa phương chủ động ứng phó khi có thiên tai, lũ lụt.

- Năng lực quan trắc và phân tích môi trường của địa phương đã được tăng cường và phát triển cả về đầu tư trang thiết bị hiện đại cũng như trình độ cán bộ đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của thực tế.

2.2. Hoàn thiện chính sách, pháp luật, quy chuẩn về bảo vệ môi trường

UBND tỉnh Bình Định đã ban hành nhiều quyết định về Quy hoạch tổng thể các ngành thuộc nông nghiệp, khu công nghiệp, phát triển đô thị, quy hoạch rừng đặc dụng, làng nghề, giao thông vận tải, y tế, lâm nghiệp,... phục vụ cho phát triển bền vững đến 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 30/12/2016 hành động khắc phục hậu quả chất độc hóa học/dioxin trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 4906/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị Quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh Bình Định ban hành về việc thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy.

- Quyết định số 1047/2016/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 ban hành Quy định phân vùng phát thải khí thải và xả nước thải trên địa bàn tỉnh, giai đoạn từ năm 2016 – 2020.

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2.3. Tổ chức thực hiện pháp luật, công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, người dân và doanh nghiệp:

Trong năm 2017, tỉnh Bình Định đã triển khai một số nội dung trong công tác truyền thông môi trường như: Triển khai phóng sự về môi trường và đa dạng sinh học trên Đài truyền hình Bình Định (thực hiện 06 chuyên đề); phối hợp với UBMTTQ Việt Nam tỉnh triển khai phát động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cho cộng đồng tôn giáo (*Phật giáo tại Tổ đình Long Khánh và Công giáo tại Giáo xứ Gò Thi*); hướng dẫn các sở, ngành, địa phương hưởng ứng các sự kiện về môi trường (*Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học năm 2017; Ngày Môi trường thế giới 05 tháng 6 năm 2017; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn*); tổ chức tập huấn Nghị định 155/2016/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường cho hơn 400 lượt cán bộ làm công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh; tổ chức Hội nghị công tác bảo vệ môi trường để đánh giá công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua và định hướng nhiệm vụ trọng tâm trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2017; Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy và ban giải pháp tăng cường công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Hội thảo đánh giá các mô hình về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; triển khai 02 Cuộc thi (*Sáng tạo Xanh Bình Định năm 2017 và Ảnh về môi trường và đa dạng sinh học*); tổ chức 11 lớp tập huấn tại các huyện, thị xã, thành phố về việc diệt trừ sinh vật ngoại lai xâm hại cho bà con nông dân; tổ chức tập huấn hướng dẫn cho các phòng chuyên môn cấp huyện và lãnh đạo các xã về công tác quản lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật,...

b) Xây dựng hệ thống quan trắc, thực hiện các chương trình quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường:

Ngày 27/12/2017, UBND tỉnh đã có Quyết định số 4848/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Dự kiến trong giai đoạn đến năm 2025 có 04 trạm quan trắc tự động: 01 Trạm quan trắc tự động môi trường không khí tại thành phố Quy Nhơn; 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt tại sông Hà Thanh; 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt lưu vực sông Côn; 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn.

c) Tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế, công cụ, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu lên môi trường:

- Thẩm định đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2017, đã xem xét, giải quyết 137 hồ sơ môi trường; kiểm tra, giám sát môi trường và xử lý vi phạm bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được tăng cường thường xuyên, liên tục (tiến hành kiểm tra thanh tra khoảng 140 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ). Qua đó, đã hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời, đề xuất xử lý đối với các cơ sở có vi phạm nghiêm trọng hoặc cố tình vi phạm nhiều lần về công tác bảo vệ môi trường; tạm ngưng hoạt động đối với Công ty cổ phần Đường Bình Định cho đến khi khắc phục một số tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường; kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần Chế biến tinh bột sản xuất khẩu Bình Định.

- Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (danh mục, biện pháp, lộ trình, thẩm quyền và kết quả xử lý);

Công tác xử lý triệt để tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng còn kéo dài. Nguyên nhân do các cơ sở hạn chế về tài chính để đầu tư các công trình xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Đồng thời, các bãi chôn lấp rác mới được xây dựng để thay thế các bãi chôn lấp cũ. Theo quy định đến tháng 12/2015, tất cả các cơ sở trên phải hoàn thành việc khắc phục và xử lý triệt để ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của tỉnh. Tính đến thời điểm tháng 12/2017, còn 07/21 cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng chưa chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để, trong đó có 02 cơ sở đã xây dựng xong hệ thống xử lý và vận hành đạt kết quả tốt, sẽ tiến hành rút tên trong năm 2018. Trong năm vừa qua, tỉnh đã tiếp tục kiểm tra, đôn đốc các cơ sở khắc phục, nâng cấp hệ thống xử lý. Trong đó có 01 cơ sở bị tạm đình chỉ để khắc phục hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm soát môi trường các khu vực tập trung nhiều nguồn gây ô nhiễm môi trường (khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; làng nghề; lưu vực sông; vùng ven biển):

Trong năm vừa qua, cũng đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định, để các địa phương trên địa bàn triển khai thực hiện phó khi xảy ra sự cố.

Đồng thời, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường nước sau lũ lụt, trong năm 2017, được sự hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường đã trang bị 90 bể lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ cho 35 xã nhằm lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo theo quy định; hỗ trợ thuốc diệt côn trùng, chế phẩm vi sinh xử lý mùi và phân hủy rác cho 08 huyện bị ảnh hưởng nặng do lũ năm 2016 để xử lý ô nhiễm môi trường tại các bãi chôn lấp

chất thải rắn sinh hoạt của địa phương. Các xã trong tỉnh với sự huy động nhiều nguồn vốn cũng đã xây dựng được một số bể lưu chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

Bên cạnh đó, đợt đầu năm 2017, trên địa bàn huyện Hoài Nhơn đã xảy ra sự cố ô nhiễm trên sông Lại Giang do xác súc vật chết. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh đã hỗ trợ cho UBND huyện Hoài Nhơn kinh phí để xử lý ô nhiễm do xác súc vật chết trên sông Lại Giang. Các huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân cũng đã kịp thời ứng phó, phòng ngừa ô nhiễm do tình hình vớt xác heo chết (do sự giảm giá heo nên người dân vớt xác heo ra sông suối). Các huyện còn lại cũng đã được hướng dẫn để chủ động phòng ngừa, ứng phó tình hình này.

Trong tháng 01/2017, phối hợp với UBND thành phố Quy Nhơn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tiến hành họp bàn và đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ xử lý sự cố dầu tràn trên địa bàn xã Nhơn Lý.

Trong tháng 11/2017, trên địa bàn tỉnh Bình Định xảy ra sự cố tàu chìm trên vùng biển Quy Nhơn do cơn bão số 12 gây ra. Với sự chỉ đạo khẩn trương của UBND tỉnh và các ngành Trung ương đã hướng dẫn các tàu xây dựng phương án trục vớt, xử lý lượng dầu còn tồn trong tàu. Đến nay, các quá trình bơm hút dầu các tàu hàng bị nạn được các đơn vị thi công triển khai biện pháp phao vây an toàn, đảm bảo môi trường và chưa có sự cố tràn dầu gây ô nhiễm đến môi trường.

d) Tổ chức, thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường

Trên địa bàn tỉnh có khu vực tồn lưu chất độc hóa học da cam/dioxin tại sân bay Phù Cát: hơn 7.000 m³ đất ô nhiễm Dioxin được xử lý bằng phương pháp chôn lấp có kiểm soát không để chất Dioxin phát tán ra môi trường do Văn phòng Ban chỉ đạo 33 – Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Quốc phòng tiến hành (hoàn thành tháng 7/2012) thông qua Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc và Quỹ Môi trường Toàn cầu tài trợ. Tuy nhiên, việc phục hồi môi trường đối với hệ sinh thái, môi trường tại khu vực nhiễm chất độc hóa học đòi hỏi chuyên môn sâu, trong khi đó nguồn nhân lực của địa phương còn hạn chế nên cần có sự hỗ trợ của Bộ ngành ở Trung ương trong công tác điều tra, phục hồi môi trường tại các khu vực ô nhiễm chất độc hóa học.

Hoàn thiện Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch mạng lưới quan trắc tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch Ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:

Theo kết quả điều tra, khối lượng CTRSH phát sinh tại khu vực đô thị trên toàn tỉnh khoảng 380 tấn/ngày, tại vùng nông thôn ước tính phát sinh khoảng 360 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom CTRSH đạt tỷ lệ khá cao tại một số địa phương như thành phố Quy Nhơn (95%) và thị trấn Bồng Sơn (90%). Đối với các huyện, thị xã còn lại, tỷ lệ thu gom đạt 40 - 60% tại các thị trấn, khu đô thị và các trục đường chính dọc Quốc lộ 1A, Quốc lộ 19 và 10 - 20 % tại các khu vực nông thôn, các xã vùng sâu, vùng xa (một số xã cao hơn như Hoài Châu Bắc 30%, Hoài Hảo 80%, Phước Hưng 80%, Tây Thuận 53%, Tây Phú 95%; còn lại người dân tự xử lý tại vườn nhà bằng hình thức chôn lấp, đốt). Do đó, tổng khối lượng CTRSH được thu gom, xử lý trên địa bàn tỉnh ước tính khoảng 400 tấn/ngày (đạt 54%).

Về các bãi chôn lấp (BCL) CTRSH: có 05 BCL CTRSH hợp vệ sinh đã đi vào hoạt động chính thức gồm: BCL CTR Long Mỹ tại Khu xử lý CTR tập trung Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn; BCL CTR Tôm Zang tại xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát; BCL CTR huyện Hoài Nhơn tại khối Thiết Đính Bắc, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn; BCL CTR tại thôn Xa Hội, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ và BCL CTR tại thôn Phú An, xã Tây Xuân huyện Tây Sơn; có 09 BCL CTRSH không hợp vệ sinh dưới hình thức các hố đào để tập trung rác, không có lớp lót chống thấm và hệ thống xử lý nước thải (đang hoạt động hoặc đã tạm dừng nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đóng cửa): BCL CTR tạm tại huyện Vân Canh, An Lão, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn,...

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 01 BCL tại xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát với quy mô 70 ha, được quy hoạch làm khu xử lý CTR tập trung cho vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Hiện nay, BCL này đã được giải phóng mặt bằng và đầu tư một số hạng mục. Trong khu vực quy hoạch BCL, UBND tỉnh đã cấp phép cho DNTN Hậu Sanh đầu tư Nhà máy xử lý chất thải nguy hại (Chủ đầu tư đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại).

- Đối với nước thải sinh hoạt đô thị, hiện chỉ có thành phố Quy Nhơn có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Công trình được thực hiện bởi dự án Vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn, do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ. Trong đó, đầu tư hai hệ thống xử lý nước thải tập trung, một hệ thống công suất 14.000 m³/ngày đêm (dự kiến nâng lên 28.000 m³/ngày đêm) tại phường Nhơn Bình và một hệ thống 2.350 m³/ngày đêm tại phường Trần Quang Diệu.

2.4. Đánh giá chung về kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Những chuyển biến tích cực

Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã quan tâm, chú trọng nhiều hơn đến công tác bảo vệ môi trường; truyền thông nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến tích cực, hình thức đa dạng phong phú, thu hút sự hưởng ứng đông đảo, nhiệt tình của quần chúng nhân dân. Công

tác thẩm định, tham mưu phê duyệt, cấp phép trong lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, quy định hiện hành, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khâu xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư... Công tác thanh, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và giải quyết khiếu nại tố cáo về môi trường được quan tâm và tiến hành thường xuyên; kịp thời ứng phó, xử lý các điểm nóng, sự cố môi trường; tăng cường rà soát, lập quy hoạch việc khai thác các nguồn tài nguyên (nước, khoáng sản...).

b) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Hiệu quả và hiệu lực quản lý, kiểm soát ô nhiễm chưa cao. Việc phân cấp quản lý môi trường đã được thực hiện theo Luật, nhưng việc quản lý, kiểm tra vẫn chưa bao quát hết các cơ sở sản xuất kinh doanh trên toàn địa bàn, chủ yếu tập trung các cơ sở có quy mô lớn; những cơ sở quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, hoạt động chăn nuôi,... chưa được kiểm soát chặt chẽ. Công tác xử lý ô nhiễm tại các làng nghề chưa được triển khai triệt để. Việc xử phạt các cơ sở vi phạm vẫn chưa quyết liệt, chưa mang tính tổng thể và chiều sâu nên việc khắc phục, xử lý ô nhiễm của các cơ sở vi phạm vẫn còn kéo dài và không triệt để.

Công tác quản lý – bảo vệ môi trường của địa phương còn theo sự vụ; công tác phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa được thực hiện tốt.

Tỷ lệ thu gom CTRSH đạt rất thấp ở khu vực nông thôn, gây ô nhiễm môi trường, tạo ra nhiều điểm nóng do nhiều nguyên nhân: Chính quyền cấp huyện chưa quy hoạch đồng bộ hoạt động thu gom CTR trên địa bàn, trong đó, chưa xác định địa điểm và xây dựng các khu vực trung chuyển CTRSH. Chính quyền cấp xã chưa tổ chức hoạt động thu gom (trực tiếp thực hiện hoặc giao cho các đơn vị dịch vụ thực hiện). Địa bàn nông thôn rộng, dân cư phân tán, nhiều tuyến giao thông nhỏ hẹp,... nên khó khăn cho hoạt động thu gom. Người dân nông thôn còn hạn chế về ý thức vệ sinh môi trường, có đất rộng nên tự xử lý (chôn, đốt) trong vườn nhà hoặc vứt ra nơi cộng cộng, không hợp tác trong việc đóng phí rác thải.

- Nguyên nhân khách quan

Nhiều văn bản hướng dẫn dưới Luật chưa kịp thời, cụ thể; một số lĩnh vực thiếu các văn bản quy định và hướng dẫn nên đôi lúc triển khai công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường gặp khó khăn.

Nguồn lực của địa phương còn khó khăn nên kinh phí dành cho bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan

Công tác BVMT đã được phân cấp và quy định rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp tại Luật BVMT và Quy chế BVMT của tỉnh, nhưng một số ngành, địa phương chưa làm hết trách nhiệm. Đối với một số địa phương: thiếu quan tâm, chỉ đạo công tác hậu kiểm sau cấp phép về môi trường; đối với một số

ngành: chưa quan tâm việc lồng ghép yêu cầu BVMT trong quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp còn thiếu, năng lực chuyên môn ở một số lĩnh vực còn hạn chế, ở cấp xã chưa bố trí cán bộ chuyên trách công tác quản lý môi trường nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường. Phối hợp công tác giữa các ban ngành, địa phương trong công tác QLNN về môi trường còn nhiều hạn chế.

3. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường

3.1. Định hướng trong thời gian đến

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chuyên viên, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác QLMT.

Tiếp tục duy trì và gia tăng số lượng các lớp tập huấn về môi trường hàng năm tổ chức trên địa bàn tỉnh, dành cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp huyện và cấp xã, tối thiểu 200 lượt người được tập huấn hàng năm, tập trung chủ yếu về hướng dẫn công tác quản lý môi trường cấp cơ sở. Phối hợp với các đơn vị tư vấn, kỹ thuật, các trung tâm, viện nghiên cứu ngoài tỉnh để tổ chức các buổi hội thảo, giới thiệu về công nghệ xử lý chất thải hiệu quả, cho đối tượng là các cán bộ quản lý các ngành, địa phương và các chủ doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tuyên truyền về BVMT và biến đổi khí hậu cho thanh niên. Phối hợp các hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động truyền thông về môi trường cho các hội viên, đoàn viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên truyền viên ở các hội đoàn thể để thực hiện nhiệm vụ, chú trọng đối tượng học sinh, sinh viên, thanh niên. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo ở cơ sở. Phối hợp Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn thanh niên xây dựng các mô hình BVMT trong xây dựng nông thôn mới, nhằm thực hiện hiệu quả, thành công tiêu chí 17 về môi trường, phù hợp điều kiện địa phương.

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục về môi trường và phát triển bền vững, nhất là với các cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các ngành kinh tế và các địa phương. Duy trì và thực hiện nghiêm việc đưa nội dung thực hiện công tác bảo vệ môi trường thành một trong những tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng cá nhân, cơ quan nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, địa phương,...

Phát huy tối đa hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Xây dựng các chuyên đề bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát định kỳ trên Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh Bình Định.

- Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường

Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc trên địa bàn tỉnh, trong đó rà soát và xây dựng hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường phù hợp sự phát triển KT-XH giai đoạn 2016-2020. Bổ sung và hoàn thiện mạng lưới các điểm quan trắc, phù hợp với tiến độ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, chú trọng các khu vực nhạy cảm và các điểm nóng về môi trường.

Tăng cường hoạt động quan trắc chất lượng môi trường hàng năm. Xây dựng 01 trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí tự động tại thành phố Quy Nhơn đồng thời nghiên cứu xây dựng chỉ số chất lượng môi trường không khí phù hợp điều kiện thực tế ở địa phương, nhằm thông báo định kỳ tình hình ô nhiễm để nhân dân biết và cùng theo dõi, giám sát. Xây dựng 1-2 trạm quan trắc chất lượng nước ngầm (về chất lượng, trữ lượng) nhằm theo dõi diễn biến ô nhiễm và đánh giá các tác động do hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

3.2. Giải pháp

- Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

Kiến toàn bộ máy cán bộ quản lý môi trường ở cấp tỉnh, thành phố, huyện, xã theo đúng quy định hiện hành;

Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và kinh phí phục vụ các hoạt động thanh tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp.

- Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường

Ban hành Chính sách hỗ trợ các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn (các đơn vị tư nhân); triển khai thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng đối với các nhiệm vụ công ích về BVMT; tiến tới nhân rộng cho mô hình thu gom rác tại các thị trấn, nhằm giảm áp lực về ngân sách nhà nước, để tập trung cho việc thu gom, xử lý rác khu vực nông thôn. Ban hành chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, đặc biệt tại các tòa nhà cao tầng mới xây dựng; chính sách khuyến khích tái sử dụng, tái chế chất thải rắn;

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vận chuyển, xử lý CTRSH và các dịch vụ môi trường khác.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các vi phạm, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Hàng năm tiến hành lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đồng thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

Triển khai thực hiện và rà soát, sửa đổi bổ sung Quy chế Bảo vệ môi trường của tỉnh, trong đó trọng tâm là nội dung về công tác phân công trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các địa phương, đơn vị trong QLNN về BVMT,

phù hợp với quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Tăng cường năng lực cho Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, phát huy vai trò phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm môi trường, kiên quyết lập hồ sơ xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt và dịch vụ môi trường khác.

- Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

Tiếp tục duy trì và tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường. Hướng dẫn, kiểm tra việc phân bổ và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường tại các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường nhất là những khu vực ô nhiễm như làng nghề, cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng thuộc khu vực công ích, các công trình hạ tầng như bãi chôn lấp tại các huyện; xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị tập trung tại khu vực đô thị (An Nhơn, Bồng Sơn).

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét điều chỉnh Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 theo hướng quy định biểu mẫu kết quả quan trắc môi trường cần đơn giản, lược bỏ các nội dung không cần thiết như QA, QC, danh mục thiết bị quan trắc, phương pháp lấy mẫu, phân tích và cách thức phản hồi của cơ quan quản lý vì sẽ mất rất nhiều thời gian phản hồi (phản hồi hàng trăm cơ sở, mỗi cơ sở 4 lần/năm),... Đồng thời, thường xuyên định hướng, hướng dẫn địa phương trong việc lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải hiện đại, phù hợp với điều kiện địa phương.

Đối với quy định về chứng nhận các cơ sở là bãi rác thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường, tỉnh Bình Định đã nhiều lần kiến nghị nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn hoặc văn bản điều chỉnh Quyết định số 10/2006/QĐ-BTNMT ngày 21/8/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn cụ thể để địa phương tổ chức thực hiện, trong đó đề xuất xem xét lại điều kiện cần phải có bãi rác mới đi vào vận hành chính thức mới được rút tên bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Sửa đổi Quy chuẩn 62-MT:2016/BTNMT theo hướng tất cả các cơ sở chăn nuôi đều phải áp dụng giá trị tối đa các thông số ô nhiễm trong nước thải trong QC 62-MT:2016/BTNMT; không phân biệt cơ sở lớn hơn hay nhỏ hơn 5 m³/ngày.đêm, để làm cơ sở cho việc xử lý vi phạm hành chính về nước thải.

Hỗ trợ cho địa phương về kỹ thuật, kinh phí trong vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường, đặc biệt là vấn đề môi trường tại các làng nghề truyền thống (tinh bột sắn, tái chế đúc kim loại, chế biến nước mắm,...), xử lý sự cố môi trường.

Tăng cường công tác kiểm tra về BVMT đối với các dự án, cơ sở do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo ĐTM, phương án cải tạo phục hồi môi trường nhằm đảm bảo trách nhiệm thực hiện của chủ cơ sở.

Trên đây là kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2017, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài nguyên và môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- TT.Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh: Trần Châu;
- Tổng cục BVMT;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu